

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 02 năm 2020

(V/V: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Tổ – Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 455/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐ-ST ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 28/8/1988.

Nơi ĐKKHKT: xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh ngày 15/9/1986.

Nơi ĐKKHKT: xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng

Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù: Tại trại giam Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bõnh. (Vắng mặt có lý do - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn và trình bày của nguyên đơn phiên tòa thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L, anh Trần Văn H cưới nhau vào tháng 11/2010, trước khi cưới anh, chị quá trình yêu đương tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, sau đó tổ chức cưới hỏi theo phong tục, được sự đồng ý của hai gia đình, chứng kiến của xóm làng bạn bè. Trước khi cưới anh chị đó làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 43 ngày 09/11/2010. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không chung thủy, do vi phạm pháp luật, phạm tội hiếp dâm trẻ em đó bị Tòa án xử phạt 18 năm tù hiện nay đang chấp

hành tại trại giam Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Từ ngày anh H bị bắt và chấp hành hình phạt tự thì chị L thấy mất niềm tin, tình cảm với anh H, hôn nhân không được như chị mong muốn chị đề nghị Tòa xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn H

Theo anh Trần Văn H nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu của vợ chồng dẫn đến chị L yêu cầu ly hôn là do anh phạm tội phải đi chấp hành hình phạt với thời gian dài, chị L thấy mất hết tương lai, niềm tin đối với anh, mục đích hôn nhân không đạt được như chị L mong muốn, nờn chị L mới đề nghị Tòa giải quyết ly hôn. Quá trình viết bản tự khai anh H xác định đang còn tình cảm đối với chị L, chị L đề nghị Tòa giải quyết ly hôn anh không nhất trí.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn H thống nhất vợ chồng có một con chung cháu Trần Văn H (Giới tính: Nam), sinh ngày 03/12/2011. Con chung hiện nay đang được chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, do điều kiện đang phải chấp hành hình phạt tự nên anh H không thực hiện được nghĩa vụ đối với con chung. Nếu ly hôn chị L đề nghị Tòa giao con chung cho chị nuôi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, vì anh H hiện nay đang chấp hành hình phạt tù không có khả năng tài chính để cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Văn H cho rằng sau khi ly hôn, chị L sẽ lấy chồng, nếu giao con cho chị L nuôi thì quyền lợi của con không được đảm bảo, phải sống với bố dượng, anh đề nghị giao con chung của vợ chồng cho ông bà nội, chấp hành xong hình phạt, anh sẽ trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn H không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Vụ án được thẩm phán thụ lý, giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS. Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS. Xác minh thu thập chứng cứ theo quy định tại chương VII BLTTDS. Tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai, tiếp cận chứng cứ, hòa giải và lập biên bản đúng quy định tại các Điều 295, 208, 209, 210, 211 BLTTDS năm 2015. Đã tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ theo quy định tại Điều 171 BLTTD năm 2015; Chuyển hồ sơ cho VKS theo đúng quy định tại Điều 196, 220 BLTTDS năm 2015. Thư ký hiện đúng các quy định tại Điều 51 BLTTDS năm 2015.

Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 227, 243, 250, 258, 260, 262 và Điều 51 BLTTDS năm 2015.

Đối với nguyên đơn, bị đơn sự đó thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 72 và Điều 234 BLTTDS

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ các điều 56, 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn H. Giao con chung cháu Trần Văn H (Giới tính: Nam), sinh ngày 03/12/2011 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn H. Tài sản các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26; Điều 27, điểm e điều 11 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

Toà án thụ lý vụ án, đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các bên đương sự đã trình bày bản tự khai. Do đang chấp hành hình phạt tù nên anh Trần Văn H không thể có mặt để tham gia phiên họp, hòa giải và tham gia phiên tòa. Anh H đã viết đơn xin vắng mặt trong phiên họp, phiên hòa giải và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt có xác nhận của trại giam Trại giam Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Hội đồng xét xử thấy việc đề nghị được vắng mặt trong phiên họp, phiên hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt có lý do của anh Trần Văn H là đúng pháp luật cần chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục kết hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn H đúng qui định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân của anh chị là hoàn tự nguyện, anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, qua đó cho thấy hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào trình bày của chị Nguyễn Thị L nêu trong đơn khởi kiện, bản tự khai của chị L, anh H có tại hồ sơ, trình bày của chị L tại phiên tòa; căn cứ vào các tài liệu do chị L cung cấp có tại hồ sơ thấy rằng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh H đã xảy ra rất trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân là do vợ chồng sống thiếu niềm tin đối với nhau, vợ không thông cảm cho chồng khi chồng có thói hư tật xấu do vi phạm pháp luật hình sự. Do chị L mất hết tình cảm yêu đối với anh H nên chị không có ý thức níu kéo hôn nhân mà bỏ mặc hậu quả xảy ra, không quan tâm đến anh H về mọi mặt. Quá trình làm việc tại Tòa án anh Trần Văn H không có mặt trong những lần hòa giải vì lý do đang chấp hành hình phạt tù. Tòa án đã vận động chị L suy nghĩ lại để rút đơn ly hôn chờ ngày anh H hết hạn tù để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng mục đích hôn nhân, nhưng chị L xác định không thể đoàn tụ vì đã mất hết tình cảm, niềm tin đối với chồng nữa, hôn nhân đó tan rã không thể hàn gắn. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị L và anh H đã thực sự tan rã, mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng và sâu sắc, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên, nay chị L yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn anh H là có căn cứ, cần chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn H.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày anh Trần Văn H bị bắt phải chấp hành hình phạt tù đến nay con chung của vợ chồng được chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù không có sự hỗ trợ của anh H trong việc nuôi con chung, nhưng chị L vẫn nuôi dạy con tốt, con chung phát triển về mọi mặt, thể hiện là người mẹ có trách nhiệm cao. Anh Trần Văn H hiện nay đang phải chấp hành hình phạt tù, không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, anh đề nghị cho con chung ở với bố mẹ đẻ của anh là không có

căn cứ, không đảm bảo quyền lợi cho con chung. Do đó chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con là hoàn toàn có căn cứ, yêu cầu của chị phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên cần hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H cho đến lúc có yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí : Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên .

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điều 56, 58; 81; 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình .

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn H.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Trần Văn H(Giới tính: Nam), sinh ngày 03/12/2011 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn H cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Trần Văn H người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26; Điều 27, điểm e điều 11 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ(Hai trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000đ(Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0000166 ngày 28/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS H.Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- Chi cục THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh NA
- UBND xã T(ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu hs, VP

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc